

# MÔ HÌNH HỌC TẬP KẾT HỢP (BLENDED LEARNING) TRONG KỶ NGUYÊN 4.0: THỰC TIỄN VÀ TRIỂN VỌNG ÁP DỤNG TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Nguyễn Thị Hòa Bình  
Trường Đại học Phú Yên

---

**Thông tin chung:**

Ngày nhận bài: 18/02/2025

Ngày phản biện: 20/02/2025

Ngày duyệt đăng: 18/3/2025

\*Tác giả chính:

nguyenthihoabinh@pyu.edu.vn

DOI:

<https://doi.org/10.70879/HFZScVhoz>

**Title:**

*The blended learning model in the 4.0 era: Practical implementation and Application prospects in higher education.*

**Từ khóa:**

*mô hình học tập kết hợp, giáo dục đại học, cách mạng công nghệ 4.0, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy*

**Keywords:**

*Blended Learning model, higher education, Industry 4.0, technology integration in teaching.*

**TÓM TẮT:** Sự bùng nổ của Cách mạng công nghiệp 4.0 đã mang đến những thay đổi sâu sắc trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là giáo dục đại học. Các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật và dữ liệu lớn đang thúc đẩy sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy và học tập. Trong bối cảnh này, mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) nổi lên như một giải pháp linh hoạt và hiệu quả, kết hợp giữa phương pháp truyền thống và công nghệ số. Bài viết này nhằm khám phá thực tiễn triển khai Blended Learning tại các cơ sở giáo dục đại học, đồng thời đánh giá những lợi ích, thách thức và triển vọng của mô hình này trong kỷ nguyên 4.0. Thông qua phân tích tài liệu và nghiên cứu thực tiễn, bài viết đưa ra những gợi ý hữu ích cho việc áp dụng mô hình này.

**ABSTRACT:** The explosion of the Fourth Industrial Revolution has brought profound changes in many fields, especially in higher education. Technologies such as artificial intelligence, the Internet of Things, and big data are driving innovations in teaching and learning methods. In this context, Blended Learning has emerged as a flexible and effective solution, combining traditional methods with digital technologies. This article aims to explore the practical implementation of Blended Learning in higher education institutions, while evaluating its benefits, challenges, and prospects in the 4.0 era. Through document analysis and practical research, this paper provides useful suggestions for applying this model.

---

## 1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tạo ra những thay đổi sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong giáo dục đại học, nơi yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm thích ứng với những xu thế công nghệ và nhu cầu học tập của thế hệ sinh viên mới. Trong bối cảnh này, mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) – một sự kết hợp linh hoạt giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và các công cụ trực tuyến – nổi lên như một giải pháp hiệu quả để nâng cao chất

lượng giáo dục, tối ưu hóa trải nghiệm học tập, và chuẩn bị lực lượng lao động tương lai.

Blended Learning không chỉ cho phép sinh viên tiếp cận kiến thức mọi lúc, mọi nơi mà còn thúc đẩy tư duy sáng tạo và học tập chủ động. Các nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng mô hình này giúp cải thiện đáng kể kết quả học tập, tăng cường tính tương tác giữa giảng viên và sinh viên, đồng thời hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm như quản lý thời gian, làm việc nhóm và tự học – những yếu tố cốt lõi trong kỷ nguyên 4.0.

Tuy nhiên, việc triển khai Blended Learning trong giáo dục đại học tại Việt Nam còn gặp không ít thách thức, bao gồm hạn chế về hạ tầng công nghệ, năng lực của giảng viên và sự thiếu đồng bộ trong hệ thống giáo dục. Vì vậy, việc nghiên cứu mô hình này không chỉ mang ý nghĩa lý luận mà còn cung cấp các giải pháp thực tiễn, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong giáo dục.

Trên cơ sở đó, bài viết này tập trung phân tích thực tiễn áp dụng Blended Learning tại một số cơ sở giáo dục đại học, đồng thời đề xuất các giải pháp triển vọng nhằm nâng cao hiệu quả triển khai mô hình này trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam.

## **2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết**

Blended Learning hay còn gọi là “học tập kết hợp” là phương pháp cập nhật theo đúng xu thế học tập của rất nhiều quốc gia trên thế giới. Thực tế, phương pháp học Blended Learning là sự kế thừa từ việc phát triển mô hình học tập trực tuyến (E-Learning). Các tài liệu tham khảo về thuật ngữ “Blended Learning” được xuất hiện từ đầu thập niên 90, kể từ đó khái niệm này đã được thay đổi theo sự kết hợp của giáo dục truyền thống đặc thù và công nghệ. Ý tưởng về việc kết hợp phương pháp giảng dạy trực tiếp (face-to-face) với công nghệ xuất hiện từ những năm 1960-1970. Tuy nhiên, thời điểm này, hạ tầng công nghệ chưa đủ phát triển để thực sự triển khai mô hình Blended Learning. Vào thập niên 1990, Blended Learning bắt đầu được triển khai rộng hơn nhờ sự phát triển của internet và máy tính cá nhân. Các tổ chức giáo dục ở Hoa Kỳ và Châu Âu tiên phong trong việc áp dụng mô hình này, kết hợp lớp học truyền thống với các khóa học trực tuyến. Từ năm 2000 trở đi, thuật ngữ "Blended Learning" được sử dụng phổ biến hơn khi các nền tảng học trực tuyến (như Blackboard, Moodle) ra đời. Hoa Kỳ được xem là một trong những nơi đi đầu trong việc áp dụng

Blended Learning ở các trường phổ thông và đại học cũng như các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp trong các lĩnh vực đào tạo khác.

Hiện nay, Blended Learning đã lan rộng trên toàn thế giới, đặc biệt là trong các cơ sở giáo dục đại học và tổ chức đào tạo doanh nghiệp, nhờ tính linh hoạt và hiệu quả của nó. Ứng dụng của mô hình này càng trở nên quan trọng hơn trong bối cảnh đại dịch COVID-19, khi học trực tuyến trở thành xu hướng chính. Đối với thuật ngữ tiếng Anh, theo Garrison & Vaughan [10], Blended Learning không chỉ dừng lại ở việc tích hợp công nghệ, mà còn tối ưu hóa các lợi thế của cả hai hình thức giảng dạy để cải thiện trải nghiệm học tập và thúc đẩy sự tham gia của người học. Từ điển Cambridge thì nói rằng Blended Learning là “a way of learning that combines traditional classroom lessons with lessons that use computer technology and may be given over the internet” (một phương pháp học tập kết hợp lớp học truyền thống với lớp học sử dụng công nghệ thông tin và có thể được phân phối trên Internet).

Ở Việt Nam, thuật ngữ này cũng không còn xa lạ, tuy nhiên lại được diễn giải theo nhiều cách khác nhau. Theo Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam về Quy định Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng trong các cơ sở giáo dục đại học, mục 1a – Điều 2 giải thích Từ ngữ: “*Đào tạo kết hợp (Blended learning) là việc kết hợp phương thức học tập điện tử với phương thức dạy – học truyền thống (theo đó người dạy và người học cùng có mặt) nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và chất lượng giáo dục*”. Theo định nghĩa của Từ điển Tiếng Việt thì kết hợp (v) là gắn với nhau để bổ sung, hỗ trợ cho nhau; tích hợp (v) là lắp ráp, nối kết các thành phần của một hệ thống để tạo nên một hệ thống đồng bộ; hỗn hợp (a) gồm có nhiều thành phần, trong đó mỗi thành phần vẫn giữ được tính chất riêng của mình.

Những định nghĩa trên cho thấy Blended Learning là sự tích hợp có chủ đích giữa dạy học truyền thống và dạy học trực tuyến, nhằm tạo ra một môi trường học tập linh hoạt và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học trong bối cảnh giáo dục hiện đại. Như vậy, dù có nhiều định nghĩa về phương pháp

này, nhưng Học tập kết hợp luôn có 3 yếu tố sau:

- Công nghệ số, kỹ thuật và những thành tố eLearning.
- Hoạt động tương tác trực tiếp (phương thức học tập truyền thống).
- Học tập độc lập (phương pháp học tập cá nhân khi học trực tuyến).

#### **So sánh giữa Blended Learning, E-learning và Học tập truyền thống**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Blended Learning</b>	<b>E-learning</b>	<b>Học tập truyền thống</b>
Hình thức học	Kết hợp học trực tiếp và trực tuyến.	Học hoàn toàn qua các nền tảng trực tuyến.	Học hoàn toàn trong lớp học với giảng viên.
Tính linh hoạt	Cao, cho phép sinh viên chọn lựa cách thức học linh hoạt.	Cao, sinh viên tự học theo thời gian và tốc độ của mình.	Thấp, học theo thời gian và lịch học cố định.
Sự tương tác	Kết hợp giữa tương tác trực tiếp với giảng viên và bạn học qua công nghệ.	Tương tác chủ yếu qua nền tảng trực tuyến và phản hồi tự động.	Tương tác trực tiếp trong lớp học giữa sinh viên và giảng viên.
Công nghệ sử dụng	Công nghệ hỗ trợ cho cả việc học trực tuyến và trực tiếp.	Sử dụng các công cụ công nghệ hoàn toàn trong suốt quá trình học.	Hạn chế sử dụng công nghệ trong giảng dạy.
Đánh giá	Kết hợp giữa đánh giá trực tiếp và đánh giá qua công nghệ.	Đánh giá chủ yếu qua các bài kiểm tra trực tuyến.	Đánh giá thông qua bài kiểm tra và kiểm tra miệng trong lớp.

Mô hình Blended Learning, hay “học tập kết hợp,” là sự tích hợp giữa phương pháp học trực tiếp và trực tuyến, mang lại tính linh hoạt và nhiều lợi ích cho người học. Khởi nguồn từ các quốc gia phát triển sau những hạn chế của E-Learning, mô hình này kết hợp điểm mạnh của cả hai phương pháp để duy trì sự tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên, điều mà học trực tuyến hoàn toàn không thể thay thế. Đồng thời, Blended Learning khắc phục được sự cứng nhắc của học tập truyền thống, cho phép sinh viên tự học và khám phá thông qua công nghệ. Mô hình này tận dụng hiệu quả sự bùng nổ của công nghệ thông tin để cung cấp nguồn kiến thức phong phú và thông tin cập nhật. Tuy nhiên, Blended Learning vẫn giữ được bản chất của học tập truyền thống với vai trò không thể

thay thế của các buổi học trực tiếp, nơi giảng viên tương tác thực tế với sinh viên. Điểm khác biệt chính là thời gian học trên lớp được rút ngắn nhờ vào các bài giảng video và công cụ trực tuyến, cho phép sinh viên chủ động học mọi lúc, mọi nơi, nâng cao hiệu quả tiếp thu và tính tự giác trong học tập.

#### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài báo "Mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) trong kỷ nguyên 4.0: Thực tiễn và triển vọng áp dụng trong giáo dục đại học" sử dụng kết hợp hai phương pháp nghiên cứu để đảm bảo tính khách quan, toàn diện, cụ thể:

Thứ nhất, phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng để thu thập và tổng hợp các nghiên cứu trước đây về Blended Learning trong giáo dục đại học. Các tài liệu được tham

khảo bao gồm sách, bài báo khoa học, báo cáo nghiên cứu từ các tổ chức giáo dục và chính sách của các trường đại học trong nước và trên thế giới. Phương pháp này giúp cung cấp cái nhìn tổng quan về sự phát triển của Blended Learning, các mô hình đã triển khai và hiệu quả đạt được trong thực tế.

Thứ hai, phương pháp tổng hợp và so sánh được sử dụng để đánh giá sự khác biệt giữa Blended Learning và các phương pháp đào tạo truyền thống. Qua việc so sánh các mô hình giảng dạy khác nhau, từ đó đề xuất các phương án tối ưu để triển khai trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay. Ngoài ra, bài báo cũng xem xét các kinh nghiệm quốc tế trong việc ứng dụng Blended Learning, đặc biệt là tại các nước có nền giáo dục phát triển nhằm rút ra bài học phù hợp cho Việt Nam.

Tóm lại, bằng cách kết hợp các phương pháp nghiên cứu trên, bài báo không chỉ cung cấp những bằng chứng khoa học về hiệu quả của Blended Learning mà còn đưa ra các giải pháp thực tiễn để cải thiện và mở rộng mô hình này trong giáo dục đại học.

### **3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận**

#### ***3.1. Các trường hợp triển khai Blended Learning điển hình tại Việt Nam và thế giới***

##### ***3.1.1. Kinh nghiệm quốc tế***

Blended Learning, hay mô hình học tập kết hợp, đã trở thành một phương pháp giáo dục phổ biến tại các quốc gia phát triển, đặc biệt là trong giáo dục đại học. Tại Mỹ, 80% các trường đại học đã áp dụng Blended Learning, với 93% chương trình đào tạo Tiến sĩ và 89% chương trình Thạc sĩ sử dụng phương pháp này [1]. Theo Polaris Market Research [14], quy mô thị trường học tập trực tuyến toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ 20,5% và đạt hơn 1.124,79 tỷ đô la Mỹ vào năm 2030.

Trường Brigham Young chẳng hạn, áp dụng Blended Learning cho khóa học viết báo của 3.400 sinh viên năm nhất, cho thấy bài viết của sinh viên đạt chất lượng cao hơn rõ rệt so với phương pháp truyền thống, đồng

thời giúp trường tiết kiệm 41% chi phí giảng dạy [16]. Tại Đại học Trung tâm Florida (UCF), Blended Learning được triển khai từ năm 1997 với chỉ 8 môn học và 125 sinh viên, đến năm 2006 đã mở rộng lên 503 môn học và 13.600 sinh viên, nhờ vào những lợi ích như điểm số cải thiện và chi phí cơ sở vật chất giảm đáng kể [2]. Các trường đại học danh tiếng như Harvard và MIT cũng tích cực đẩy mạnh Blended Learning thông qua dự án edX – nền tảng đào tạo trực tuyến toàn cầu. Sáng kiến này cho phép sinh viên ở bất kỳ nơi đâu tiếp cận giáo dục từ các trường hàng đầu, một bước tiến lớn trong "cách mạng giáo dục toàn cầu". Tương tự, mô hình Coursera của Stanford đã thu hút sinh viên từ 190 quốc gia, trong đó có Anh, Mỹ, và Ấn Độ, đăng ký học ngay từ giai đoạn thử nghiệm.

Không chỉ ở Mỹ, Blended Learning còn phổ biến trên toàn cầu bao gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, Singapore, Úc, Canada, Mỹ, Mexico, Israel, Anh và Nam Mỹ... Ngoài ra mô hình đào tạo này còn được ứng dụng rộng khắp tại 10 tổ chức đào tạo trên thế giới: Hệ thống giáo dục và Đào tạo châu Âu (Europe's Education and Training Systems), Viện đào tạo của Ngân hàng Thế giới (The World Bank Institute)... Những minh chứng trên cho thấy, ứng dụng Blended Learning trong giáo dục đại học đã được các quốc gia phát triển triển khai từ rất lâu và được coi là "tương lai của giáo dục đại học".

Tại Anh, Open University là đơn vị tiên phong trong mô hình đào tạo từ xa. Đại học New Mexico cũng thành công với việc thiết kế lại môn Tâm lý học cho 2.250 sinh viên, giúp tỷ lệ rớt môn giảm 42% và tỷ lệ sinh viên đạt điểm C trở lên tăng từ 60% lên 71% [16]. Ở châu Á, Đại học Hồng Kông đã cải thiện đáng kể kết quả học tập của sinh viên trong môn lập trình máy tính nhờ mô hình này [17]. Cuộc khảo sát tại Hồng Kông (2005) cũng cho thấy 49% sinh viên yêu thích Blended Learning hơn các phương pháp khác [12].

Blended Learning không chỉ giới hạn trong giáo dục mà còn được áp dụng rộng rãi trong đào tạo doanh nghiệp. Theo John Bersin, phương pháp này là công cụ hiệu quả để nâng cao kỹ năng nhân sự. Mặc dù từng có tranh luận về tính phù hợp của Blended Learning trong giáo dục đại học, thực tế đã chứng minh phương pháp này mang lại hiệu quả vượt trội, như sự cải thiện trong chất lượng học tập, tiết kiệm chi phí, và khả năng tiếp cận giáo dục toàn cầu.

### 3.1.2. Ví dụ từ một số trường đại học Việt Nam

Mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) đã trở thành xu hướng trong giáo dục đại học tại Việt Nam bắt đầu từ thời gian đại dịch COVID-19, với nhiều trường đại học tiên phong triển khai để đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy trong kỷ nguyên 4.0. Dưới đây là một số trường tiêu biểu đã áp dụng thành công mô hình này.

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là một trong những cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam đi đầu trong việc triển khai Blended Learning. Trường đã áp dụng mô hình này trong các chương trình đào tạo của mình, đặc biệt là các khóa học thạc sĩ và các môn học yêu cầu sinh viên tự nghiên cứu, học tập online. ĐHQGHN sử dụng các nền tảng học trực tuyến như Moodle, Google Classroom để cung cấp tài liệu học tập, bài giảng và thảo luận trực tuyến. Đặc biệt, trong thời gian đại dịch COVID-19, mô hình Blended Learning đã chứng tỏ tính hiệu quả khi hơn 90% các môn học được chuyển đổi sang hình thức học tập kết hợp. Theo báo cáo năm 2022, ĐHQGHN ghi nhận sự hài lòng của sinh viên đối với phương pháp này đạt mức 85%, đồng thời tỷ lệ hoàn thành khóa học tăng thêm 12% và đạt điểm số cao hơn 20% so với sinh viên học truyền thống [7].

Trường Đại học FPT là một trường đại học có thế mạnh về công nghệ thông tin, nhanh chóng áp dụng Blended Learning nhằm tạo ra môi trường học tập linh hoạt và hiện đại.

Trường đã phát triển hệ thống quản lý học tập nội bộ, cho phép sinh viên truy cập tài liệu học tập, tham gia thảo luận trực tuyến và kiểm tra định kỳ. Trong đợt dịch COVID-19, mô hình này đã giúp duy trì tỷ lệ học tập đều đặn với hơn 90% sinh viên tham gia đầy đủ các lớp học trực tuyến kết hợp. Một khảo sát nội bộ năm 2022 cho thấy, 78% sinh viên đánh giá Blended Learning đã giúp họ cải thiện kỹ năng tự học, khả năng quản lý thời gian, 85% sinh viên tham gia Blended Learning hài lòng với chất lượng học tập. Đặc biệt, các môn học lập trình và trí tuệ nhân tạo tại trường được triển khai mạnh mẽ theo mô hình này, giúp sinh viên vừa nắm vững lý thuyết vừa thành thạo thực hành [5].

Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) cũng là một trong những đại học áp dụng Blended Learning thành công trong hơn 70% học phần, tận dụng nền tảng Moodle và Zoom để hỗ trợ giảng dạy từ xa. UEH phát triển nền tảng học tập trực tuyến riêng mang tên UEH LMS, cho phép sinh viên tham gia học trực tuyến, làm bài tập và thảo luận nhóm dễ dàng. Mô hình này được triển khai rộng rãi trong các môn học liên quan đến kinh doanh và kinh tế. Theo thống kê năm 2021, tỷ lệ sinh viên tham gia các khóa học kết hợp đạt 88%, và 92% giảng viên cho biết mô hình này đã hỗ trợ đáng kể trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy [6].

Đại học Bách khoa Hà Nội (HUST) là một đại học kỹ thuật đi đầu trong việc kết hợp công nghệ vào giảng dạy. Với nền tảng LMS tích hợp cùng các công cụ như Moodle và Google Meet, đã tổ chức hơn 200 khóa học trực tuyến với nội dung chuyên sâu, phù hợp với các ngành kỹ thuật và công nghệ. Đặc biệt, các môn như Toán ứng dụng, Kỹ thuật điều khiển, và Cơ khí đã được hỗ trợ bởi công nghệ thực tế ảo (VR), giúp sinh viên hình dung rõ hơn về các khái niệm phức tạp. Theo báo cáo nội bộ năm 2022, 83% sinh viên bày tỏ sự hài lòng với trải nghiệm học tập qua Blended Learning, đồng thời tỷ lệ đạt kết quả

tốt trong các môn học tăng lên 15% . Ngoài ra, Đại học Bách khoa Hà Nội đã sử dụng các nền tảng như Zoom và Microsoft Teams để tổ chức các buổi học trực tuyến song song với lớp học truyền thống. Theo báo cáo năm 2022, trường ghi nhận mức độ hài lòng của sinh viên đạt trên 75% khi áp dụng phương pháp Blended Learning, nhờ khả năng truy cập linh hoạt và giảm áp lực di chuyển [4].

Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) cũng là trường tiêu biểu trong việc ứng dụng Blended Learning. Trong năm học 2021-2022, khoảng 70% các môn học của trường được triển khai theo hình thức kết hợp, giúp tối ưu hóa tài nguyên giảng dạy và tăng cường trải nghiệm học tập của sinh viên. Trường đã triển khai hệ thống e-learning tích hợp, kết hợp giữa giảng dạy trực tuyến và các buổi thực hành trực tiếp. Một số môn học được bổ sung thêm công nghệ thực tế ảo (VR) và dữ liệu lớn (Big Data) để cải thiện tính thực tiễn. Theo thống kê năm 2022, TDTU ghi nhận tỷ lệ sinh viên hoàn thành các khóa học kết hợp đạt 87%, cao hơn 10% so với hình thức học truyền thống. Ngoài ra, 70% giảng viên cho biết Blended Learning giúp họ dễ dàng quản lý và theo dõi tiến độ học tập của sinh viên. Ngoài việc cung cấp tài liệu trực tuyến, TDTU còn tổ chức các buổi hội thảo, thí nghiệm thực hành trực tiếp để bổ sung kiến thức thực tiễn cho sinh viên. Theo một báo cáo của nhà trường, tỷ lệ sinh viên đánh giá hài lòng về Blended Learning đạt hơn 80% nhờ vào sự tiện lợi và linh hoạt của phương pháp này [8].

Các trường đại học điển hình tại Việt Nam đã và đang chứng minh hiệu quả của Blended Learning trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và trải nghiệm học tập. Thông qua các nền tảng công nghệ và phương pháp giảng dạy đổi mới, mô hình này không chỉ giúp sinh viên thích ứng với kỷ nguyên 4.0 mà còn đặt nền móng cho giáo dục đại học trong tương lai.

### **3.2. Lợi ích của Blended Learning trong kỷ nguyên 4.0**

#### **3.2.1. Cá nhân hóa học tập**

Trong kỷ nguyên 4.0, Blended Learning mang lại nhiều lợi ích đáng kể, đặc biệt trong việc tối ưu hóa học tập và nâng cao chất lượng giảng dạy. Một trong những lợi ích nổi bật là cá nhân hóa học tập. Mô hình này cho phép học viên học theo tốc độ, phong cách và nhu cầu riêng của mình, giúp họ tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn. Sinh viên có thể dễ dàng điều chỉnh phương pháp học, từ đó cải thiện kết quả học tập. Sinh viên có thể lựa chọn thời gian và hình thức học tập phù hợp với lịch trình cá nhân mà không cần bị ràng buộc bởi thời gian cố định của lớp học truyền thống.

Cụ thể, các sinh viên tham gia khóa học trực tuyến kết hợp với học trực tiếp có khả năng tự học và tìm kiếm thông tin tốt hơn, giúp họ cải thiện điểm số và kỹ năng học tập. Điều này có thể được lý giải bởi sự kết hợp giữa các công cụ học tập trực tuyến, cho phép sinh viên học ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào, với những buổi học trực tiếp, giúp họ củng cố kiến thức và tương tác với giảng viên.

#### **3.2.2. Tối ưu hóa thời gian và nguồn lực**

Một lợi ích khác là khả năng tối ưu hóa thời gian và nguồn lực. Blended Learning kết hợp linh hoạt giữa học trực tiếp và học trực tuyến, giúp sinh viên giảm thiểu thời gian di chuyển và gia tăng thời gian học tập hiệu quả. Điều này đặc biệt có lợi trong môi trường đại học, nơi sinh viên có thể kết hợp giữa học tập và công việc hay các hoạt động khác. Các nghiên cứu chỉ ra rằng mô hình này giúp tiết kiệm chi phí vận hành cho các cơ sở giáo dục, trong khi vẫn đảm bảo chất lượng giảng dạy.

#### **3.2.3. Phát triển kỹ năng công nghệ cho người học**

Phát triển kỹ năng công nghệ cho người học là một lợi ích khác không thể bỏ qua. Trong thời đại công nghệ 4.0, việc trang bị cho sinh viên kỹ năng số là vô cùng quan trọng. Blended Learning giúp sinh viên làm

quen và sử dụng thành thạo các công cụ học tập trực tuyến, từ đó phát triển kỹ năng tự học và khả năng sử dụng công nghệ một cách hiệu quả. Các nền tảng như Moodle hay Google Classroom không chỉ hỗ trợ việc học mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cần thiết cho công việc trong tương lai.

#### *3.2.4. Nâng cao hiệu quả giảng dạy*

Cuối cùng, nâng cao hiệu quả giảng dạy cũng là một trong những ưu điểm lớn của mô hình này. Công nghệ hỗ trợ giảng viên trong việc phân tích dữ liệu học tập của sinh viên, từ đó giúp họ điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp hơn. Những công cụ học tập trực tuyến có khả năng theo dõi sự tiến bộ của sinh viên và cung cấp phản hồi tức thời, giúp giảng viên dễ dàng phát hiện vấn đề và đưa ra biện pháp cải thiện. Việc áp dụng công nghệ giúp giảng viên nâng cao chất lượng giảng dạy và tạo ra môi trường học tập linh hoạt và sáng tạo hơn.

### **3.3. Thách thức khi triển khai Blended Learning**

Blended Learning mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng đối mặt với một số thách thức đáng kể, đặc biệt là trong môi trường giáo dục đại học. Các thách thức này ảnh hưởng đến quá trình triển khai mô hình và yêu cầu sự đầu tư lớn về thời gian, công sức và nguồn lực.

#### *3.3.1. Hạ tầng công nghệ*

Để triển khai Blended Learning hiệu quả, một yếu tố quan trọng là hạ tầng công nghệ. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng CNTT và kết nối Internet có thể là một thách thức lớn đối với các trường đại học, đặc biệt là các trường ở các khu vực ít phát triển. Một nghiên cứu của NMC Horizon [13] chỉ ra rằng 65% các trường đại học gặp phải vấn đề về cơ sở hạ tầng công nghệ khi áp dụng mô hình Blended Learning. Thiếu kết nối Internet ổn định và các thiết bị phù hợp có thể khiến sinh viên không thể tiếp cận được các tài liệu học tập trực tuyến, ảnh hưởng đến chất lượng học tập.

#### *3.3.2. Kỹ năng sử dụng công nghệ*

Công nghệ hỗ trợ trong Blended Learning không chỉ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn tạo ra những cơ hội học tập đa dạng, mở rộng phạm vi và khả năng tiếp cận của giáo dục. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy cũng đòi hỏi giảng viên và sinh viên có đủ khả năng sử dụng và khai thác các công nghệ này một cách hiệu quả. Vì vậy, việc đào tạo giảng viên và sinh viên về công nghệ học tập là rất quan trọng để đảm bảo mô hình Blended Learning thực sự phát huy được tác dụng trong việc cải thiện chất lượng giáo dục. Theo một khảo sát của EDUCAUSE [9], khoảng 40% giảng viên tại các trường đại học chưa quen với việc sử dụng công nghệ trong giảng dạy trực tuyến và Blended Learning. Điều này đòi hỏi các trường cần tổ chức đào tạo, hỗ trợ giảng viên và sinh viên trong việc làm quen và phát triển các kỹ năng sử dụng công nghệ.

#### *3.3.3. Bất bình đẳng trong tiếp cận công nghệ*

Một vấn đề quan trọng khác là bất bình đẳng trong tiếp cận công nghệ. Sinh viên ở các vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thiết bị học tập và kết nối Internet ổn định. Theo một báo cáo của UNESCO [15], khoảng 10% sinh viên ở các khu vực phát triển gặp khó khăn trong việc truy cập vào các công nghệ cần thiết để học online. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên mà còn làm gia tăng khoảng cách giữa các nhóm sinh viên trong xã hội. Các trường đại học cần tìm giải pháp để giải quyết vấn đề này, chẳng hạn như cung cấp thiết bị học tập miễn phí hoặc hỗ trợ kết nối Internet cho sinh viên khó khăn.

#### *3.3.4. Đánh giá hiệu quả học tập*

Cuối cùng, việc đánh giá hiệu quả học tập trong mô hình Blended Learning cũng gặp phải không ít khó khăn. Việc thiết kế các tiêu chí và công cụ đánh giá phù hợp với mô hình kết hợp giữa học trực tuyến và học trực tiếp là một thách thức lớn. Các công cụ đánh giá truyền thống không đủ khả năng để đo lường đầy đủ kết quả học tập trong môi trường học

tập kết hợp. Việc đánh giá học tập trong Blended Learning đòi hỏi phải phát triển các phương pháp đánh giá mới, có thể đánh giá được cả kỹ năng trực tuyến và các kỹ năng thực tế mà sinh viên thu được qua các hoạt động học tập. Các công cụ đánh giá này cũng cần phải linh hoạt để đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên và giảng viên.

### **3.4. Triển vọng và giải pháp trong việc triển khai Blended Learning**

Trong bối cảnh kỷ nguyên 4.0, Blended Learning không chỉ là một phương pháp giảng dạy mới mà còn là một công cụ mạnh mẽ giúp nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa tiềm năng của Blended Learning, cần có những giải pháp triển khai hợp lý và thích ứng với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu học tập của sinh viên. Dưới đây là một số triển vọng và giải pháp cho việc triển khai mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) trong các trường đại học.

#### *3.4.1. Ứng dụng công nghệ tiên tiến*

Trong những năm gần đây, công nghệ đã phát triển mạnh mẽ và mở ra nhiều cơ hội cho Blended Learning. Một trong những công nghệ tiên tiến có thể hỗ trợ mô hình này là Trí tuệ nhân tạo (AI). AI có thể giúp cá nhân hóa quá trình học tập, từ đó tối ưu hóa trải nghiệm học của sinh viên. Các công cụ AI như hệ thống đánh giá tự động, chatbot hỗ trợ học tập, hoặc các hệ thống học tập thông minh có thể phân tích tiến độ học tập của từng sinh viên và đề xuất nội dung học phù hợp với khả năng và nhu cầu riêng biệt của mỗi sinh viên.

Ngoài AI, công nghệ Thực tế ảo (VR) và Thực tế tăng cường (AR) cũng là những công nghệ hữu ích trong Blended Learning. Các công cụ này giúp sinh viên tham gia vào các môi trường học tập sinh động và thực tế. Ví dụ, VR có thể tạo ra các lớp học ảo nơi sinh viên có thể thực hành và tương tác với các tình huống thực tế mà không cần phải rời khỏi phòng học. Trong khi đó, AR có thể hỗ trợ sinh viên học các môn khoa học, kỹ thuật, và

y tế thông qua việc mô phỏng các tình huống thực tế ngay trong lớp học.

#### *3.4.2. Đào tạo đội ngũ giảng viên và nhân viên*

Mặc dù Blended Learning mang lại nhiều lợi ích, nhưng để triển khai mô hình này thành công, một trong những yếu tố quan trọng là đội ngũ giảng viên. Các giảng viên cần phải được đào tạo và trang bị các kỹ năng sử dụng công nghệ hiệu quả. Điều này không chỉ giúp giảng viên dễ dàng triển khai các bài giảng kết hợp mà còn giúp họ duy trì sự tương tác và gắn kết với sinh viên trong môi trường học tập trực tuyến.

Các chương trình đào tạo giảng viên về công nghệ giảng dạy cần phải bao gồm các kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý học tập (LMS) như Moodle, Canvas, Google Classroom và các công cụ hỗ trợ giảng dạy trực tuyến khác. Việc đào tạo giảng viên không chỉ giúp nâng cao năng lực sử dụng công nghệ mà còn thúc đẩy sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy, từ đó cải thiện hiệu quả học tập của sinh viên.

#### *3.4.3. Xây dựng chính sách và chiến lược phù hợp*

Để triển khai Blended Learning một cách hiệu quả, các trường đại học cần phải xây dựng các chiến lược dài hạn và phù hợp với đặc thù của từng trường. Mô hình Blended Learning không phải là một giải pháp “đồng nhất” cho tất cả các trường, mà cần được điều chỉnh để phù hợp với từng đối tượng sinh viên và chương trình đào tạo.

Các trường cần xác định mục tiêu rõ ràng trong việc áp dụng Blended Learning, đồng thời xây dựng các chính sách hỗ trợ như cấp phát thiết bị học tập, cải thiện kết nối Internet, hoặc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho sinh viên và giảng viên. Hơn nữa, các trường cũng cần phải xây dựng một hệ thống đánh giá kết quả học tập hợp lý, vừa phù hợp với học tập trực tuyến vừa bảo đảm tính khách quan và công bằng trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

#### 3.4.4. Hợp tác quốc tế và chia sẻ kinh nghiệm

Một trong những giải pháp quan trọng giúp các trường đại học triển khai Blended Learning hiệu quả là hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình Blended Learning thành công trên thế giới. Các trường đại học hàng đầu như MIT, Harvard, hay Stanford đều đã áp dụng Blended Learning và có những thành công đáng kể. Các mô hình của họ không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng công nghệ, kỹ năng tự học và tư duy phản biện.

Các trường đại học Việt Nam có thể tham khảo các mô hình này và áp dụng vào bối cảnh giáo dục của mình. Hợp tác quốc tế không chỉ giúp các trường có thêm nguồn tài nguyên, mà còn mở ra cơ hội cho sinh viên được tiếp xúc với các chương trình học quốc tế, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động toàn cầu.

#### 4. Kết luận

Blended Learning đã khẳng định được vai trò quan trọng trong giáo dục đại học, đặc biệt trong việc cá nhân hóa học tập, tối ưu hóa thời gian, nguồn lực và nâng cao kỹ năng công nghệ cho sinh viên. Đây được xem là xu thế tất yếu trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0, giúp dòng chảy tri thức liền mạch và thúc đẩy giáo dục hội nhập toàn cầu. Tuy nhiên, quá trình triển khai mô hình này cũng đối mặt với không ít thách thức, như yêu cầu đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ, nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ cho giảng viên và sinh viên, cũng như giải quyết các bất bình đẳng trong tiếp cận công nghệ. Những rào cản về mạng, cơ sở hạ tầng, chất lượng giảng dạy và học tập trở nên đặc biệt rõ nét trong bối cảnh đại dịch Covid-19, khi giảng viên và sinh viên đều nhận ra sự cần thiết của việc kết hợp giữa học tập trực tuyến và truyền thống. Để Blended Learning phát triển bền vững, các trường đại học cần áp dụng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo

(VR/AR), và các công cụ học tập thông minh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo. Đồng thời, việc đào tạo đội ngũ giảng viên về kỹ năng công nghệ, xây dựng chiến lược dài hạn và thúc đẩy hợp tác quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm là những giải pháp cần thiết. Bên cạnh đó, các trường cần tránh lạm dụng công nghệ trong giảng dạy, vì điều này có thể làm giảm sự tương tác trực tiếp giữa thầy và trò – một yếu tố không thể thay thế trong giáo dục. Báo Giáo dục từng nhận định: “Không phải mọi bài học, mọi vấn đề trong dạy và học đều cần đến sự hỗ trợ của công nghệ thông tin; nếu lạm dụng quá mức sẽ gây ra những tác dụng phụ không mong muốn.”

Blended Learning mang lại sự chủ động, cơ hội lựa chọn và môi trường học tập linh hoạt hơn cho sinh viên. Với trình độ công nghệ thông tin ngày càng cao của cả người học lẫn giảng viên, giáo dục đại học sở hữu những lợi thế rõ rệt để triển khai mô hình này. Qua các nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn, có thể khẳng định rằng Blended Learning sẽ không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục mà còn tạo sự hứng thú hơn trong dạy và học, góp phần đáp ứng hiệu quả nhu cầu học tập linh hoạt của thời đại mới.

#### Tài liệu tham khảo

1. Arabasz, P. and Baker, M.B. (2003). *Evolving Campus Support Models for ELearning Courses, Center of Applied Research Respondent Summary*. Accessed 8th Feb 2021, Available at: <https://www.educause.edu/ir/library/pdf/EKF/ekf0303.pdf>.
2. Bonk, C., J. and Graham, C., R. (Eds.) (2006), “*The Handbook of Blended Learning: Global Perspectives*”, Local Designs, San Francisco. CA: Pfeiffer Publishing.
3. Dziuban, C. D., Graham, C. R., & Moskal, P. D. (2018). *Blended Learning: A Disruptive Innovation*. *Journal of*

- Online Learning and Teaching*, 14(1), 1-14.
4. Đại học Bách khoa Hà Nội: <https://hust.edu.vn/>
  5. Đại học FPT: <https://www.fpt.edu.vn/>
  6. Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh: <https://www.ueh.edu.vn/>
  7. Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN): <https://www.vnu.edu.vn/>
  8. Đại học Tôn Đức Thắng: <https://tdtu.edu.vn/>
  9. EDUCAUSE (2020). *The 2020 EDUCAUSE Horizon Report: Teaching and Learning Edition*. Retrieved from <https://www.educause.edu>
  10. Garrison, D. R., & Vaughan, N. D. (2008). *Blended Learning in Higher Education: Framework, Principles, and Guidelines*. Jossey-Bass.
  11. Garrison, D. R., & Kanuka, H. (2004). Blended learning: Uncovering its transformative potential in higher education. *The Internet and Higher Education*, 7(2), 95-105.
  12. Lee, P., W., R and Chang, F.T.(2006), “Blended Learning: Experiences of Adult Learners in Hongkong”, In Fong, J., and Wang, F., L. (Eds) *Blended Learning*. Singapore: Pearson Prentice Hall, 79-87.
  13. NMC Horizon Report (2016). *The 2016 Horizon Report: Higher Education Edition*. Retrieved from <https://www.nmc.org>
  14. *Polaris Market Research (2022). E-learning Market Share, Size, Trends, Industry Analysis Report, By Provider (Content Provider, Service Provider), By Deployment Model (On-premise, Cloud), By Course, By End-User (Academic, Corporate, Government); By Region; Segment Forecast, 2022 - 2030.*
  15. UNESCO (2020). *Education and Technology: The Key to Achieving Education for All*. Retrieved from <https://www.unesco.org>
  16. Whitelock, D. (2004), ‘Blended Learning: Forget the Name But What About The Claims?’ In WHITELOCK, D. and MASON, R. (Eds), *Blended Learning*. Special Issue of *Education: Communication and Information*.
  17. Wang, F., L., Fong, J. and Choy, M. (2007) ‘Blended Learning for Programming Courses: A Case Study of Outcome Based Teaching & Learning’, In FONG, J. and WANG, F., L. (Eds.) *Blended Learning*, Singapore: Pearson Prentice Hall, 30-41.